

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST
Ngày 19 - 7 - 2022
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Vân.
2. Ông Quàng Văn Tiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:

Ông Lầu Bá Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm X khai vụ án tranh chấp dân sự sơ thẩm thụ lý số 08/2021/TLST-DS, ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/QĐXXST - DS, ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐST - DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21A/QĐST - DS ngày 23 tháng 6 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Sùng Giả N, sinh năm 1969. Địa chỉ: Bản P II, xã B, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Sùng Bả X, sinh năm 1983. Địa chỉ: Bản P II, xã B, huyện S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Sùng Giả N trình bày:**

Năm 1976 bố đẻ ông là ông Sùng Nhịa H có khai hoang được 01 mảnh đất nương tại khu P1 thuộc bản P II, xã B, đến năm 2000 thì ông H chết và gia đình ông tiếp tục sử dụng và canh tác mảnh đất nương này đến năm 2008 thì này sinh tranh chấp với ông Sùng Chự D1 (tên gọi khác Sùng Bả Dế - sau đây sẽ gọi

là ông Sùng Chự D1), quá trình giải quyết tranh chấp giữa ông N và ông D1 đã tự thỏa thuận là ông D1 sẽ sử dụng diện tích đất nương này 01 năm và sau đó trả lại cho ông N tiếp tục sử dụng. Sau khi ông N và ông D1 thực hiện xong thỏa thuận này thì ông D1 trả lại cho ông N tiếp tục sử dụng ổn định, đến tháng 3 năm 2021 thì Sùng Bả X đến phát nương và trồng sắn vào diện tích đất nương này. Ông N có yêu cầu ông X trả lại diện tích đất nương này nhưng ông X không nhất trí vì cho rằng diện tích đất này là do ông nội của ông X để lại, sự việc đã được chính quyền bản P và UBND xã B tiến hành giải quyết nhưng không thành. Mảnh nương có tranh chấp này chưa được cấp giấy CNQSD đất, có tổng diện tích khoảng 7.298m², có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Phía dài 75,1m;
- Hướng Tây giáp đất nhà ông H2 dài 35,8m;
- Hướng Nam giáp đất nhà ông H2 dài 77,0m;
- Phía Bắc giáp đất khe suối và giáp đất ông N dài 60m và 138,2m.

Nay ông N khởi kiện ra Tòa yêu cầu Sùng Bả X trả lại cho ông N diện tích đất nương này để gia đình tiếp tục canh tác sử dụng. Đối với số sắn do ông X trồng trên diện tích đất có tranh chấp thì gia đình ông X đã thu hoạch xong, ông N không liên quan gì đến số sắn này và cũng không có ý kiến đề nghị gì.

*** Tại bản tự khai và lời khai tại phiên tòa bị đơn ông Sùng Bả X trình bày như sau:** Diện tích đất nương hiện giờ đang có tranh chấp ông X cho rằng là của ông là Sùng Giồng Cửa là ông nội của ông đã khai phá từ năm 1950, với tổng diện tích khoảng 01 ha, canh tác đến năm 1956 thì bỏ hoang. Sau đó, bố của ông Sùng Giả N là ông Sùng Nhịa H đến phát và canh tác đến năm 2007 rồi bỏ hoang. Tiếp đến năm 2008, có ông Sùng Chự D1 là con bác của ông X và là cháu ruột của ông Sùng Giồng Cửa canh tác đến năm 2010 rồi bỏ hoang và di cư lên tỉnh Điện Biên. Trước khi di cư lên Điện Biên ông D1 đã để lại mảnh nương này cho ông X, việc cho đất được nói bằng miệng, không có văn bản gì (hiện nay ông D1 đã chết). Đến năm 2015 thì ông N bắt đầu canh tác tại diện tích đất có tranh chấp này, trong quá trình ông N canh tác thì ông X có nhắc nhở ông N nhưng ông N vẫn cố tình canh tác, đến tháng 3/2021 khi ông X đến trồng sắn trên diện tích đất này thì nảy sinh tranh chấp. Ông X xác định nguồn gốc đất là của ông nội ông X khai phá từ năm 1956 và sau đó ông X cũng được ông D1 cho lại nên ông xác định diện tích đất nương này là của ông, ông đang sử dụng để trồng sắn và sẽ không trả đất nương cho ông Sùng Giả N. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm số sắn do ông trồng trên diện tích đất có tranh chấp đã được gia đình ông thu hoạch xong.

- Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/12/2021 do Tòa án nhân dân huyện Sông Mã tiến hành, kết quả như sau:

Quá trình đo đạc xác định được diện tích đất đang có tranh chấp là đất

nông nghiệp, có địa chỉ tại khu P1, thuộc bản P II, xã B, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, thuộc tờ bản đồ số 33, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Có tổng diện tích là 7.298m², trong đó diện tích đang được ông X trồng sắn là 5.346m², diện tích không trồng sắn là 1.952m².

Từ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Phía dài 75,1m;
- Hướng Tây giáp đất nhà ông H2 dài 35,8m;
- Hướng Nam giáp đất nhà ông H2 dài 77m;
- Phía Bắc giáp đất khe suối và giáp đất ông N dài 60m và 138,2m.

(Có sơ đồ kèm theo)

- Tại biên bản định giá tài sản ngày 21/12/2021 xác định: Giá trị diện tích đất có tranh chấp là 160.556.000đ

Tài sản trên đất tại thời điểm tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ có: 5.346m² được ông X trồng sắn có tổng trị giá là 13.365.000đ. Số sắn này đã được ông X thu hoạch xong, diện tích đất đang có tranh chấp hiện nay không canh tác, trồng trọt gì.

Theo kết quả xác minh tại UBND xã B, huyện Sông Mã và bản P 2, xã B cho thấy: diện tích đang có tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất này không nằm trong quy hoạch phải thu hồi của UBND xã. Nguồn gốc của diện tích đất này là do ông Sùng Nhịa H là bố đẻ của ông Sùng Giả N khai hoang mà có, sau đó sử dụng canh tác ổn định không có tranh chấp gì, sau khi ông H chết thì được ông N tiếp tục sử dụng, trong thời gian ông N canh tác thì có thấy ông D1 đến canh tác 01 năm và sau đó lại tiếp tục do ông N canh tác, đến năm 2021 thì nảy sinh tranh chấp với ông X.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 24 Điều 3, điểm d khoản 1 Điều 169, Điều 170, 188, 100, 101 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Sùng Giả N đối với ông Sùng Bả X .

2. Tạm giao cho ông Sùng Giả N được quyền quản lý sử dụng 01 diện tích đất nông nghiệp có tổng diện tích là 7.298m², đất thuộc tờ bản đồ số 33, có địa chỉ tại khu P1 thuộc bản P II, xã B, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Tứ cận tiếp giáp như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Phía dài 75,1m;
- Hướng Tây giáp đất nhà ông H2 dài 35,8m;
- Hướng Nam giáp đất nhà ông H2 dài 77m;
- Phía Bắc giáp đất khe suối và giáp đất ông N dài 60m và 138,2m.

3. Về án phí: Ông Sùng Giả N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, ông Sùng Bả X được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã và các đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện của ông Sùng Giả N đối với diện tích đất nông nghiệp có tranh chấp có địa chỉ tại xã B, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, việc tranh chấp đã được UBND xã B, huyện Sông Mã tiến hành hòa giải nhưng không thành và được Tòa án nhân dân huyện Sông Mã thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của người làm chứng đã được Tòa án tiến hành lấy ý kiến và lời khai trực tiếp được ghi nhận bằng văn bản, Tòa không tiến hành triệu tập người làm chứng đến phiên tòa, việc người làm chứng vắng mặt không làm ảnh hưởng đến tính khách quan của vụ án do vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp, nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Sùng Giả N có đơn khởi kiện yêu cầu ông Sùng Bả X trả lại một diện tích đất nông nghiệp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên xác định quan hệ pháp luật ở đây là: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

[2.2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập xác định được khoảng thời gian vào năm 1976 thì ông Sùng Nhị H là bố đẻ của ông Sùng Giả N có khai hoang được 01 diện tích đất nương tại khu P1 thuộc bản P II, xã B, đến năm 2000 thì ông Hịa chết và gia đình ông N tiếp tục sử dụng và canh tác mảnh đất nương này

đến năm 2008 thì nảy sinh tranh chấp với ông Sùng Chự D1 và ông D1 có sử dụng diện tích đất nương này 01 năm và sau đó trả lại cho ông N tiếp tục sử dụng ổn định. Đến tháng 3 năm 2021 thì Sùng Bả X đến phát nương và trồng sắn vào diện tích đất nương này thì nảy sinh tranh chấp.

Quá trình đo đạc thẩm định tại chỗ đã xác định được vị trí, chiều dài và các tứ cận tiếp giáp của diện tích đất có tranh chấp và được các đương sự thừa nhận kết quả đo đạc xác định như vậy là đúng, đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự. Theo kết quả đo đạc, thẩm định tại chỗ thì diện tích đất đang có tranh chấp có tổng diện tích là 7.298m². Tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Phía dài 75,1m;
- Hướng Tây giáp đất nhà ông H2 dài 35,8m;
- Hướng Nam giáp đất nhà ông H2 dài 77m;
- Phía Bắc giáp đất khe suối và giáp đất ông N dài 60m và 138,2m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Vì diện tích đất đang có tranh chấp chưa hiện nay được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cần căn cứ vào lịch sử và quá trình sử dụng đất thực tế của các đương sự để xác định ai có quyền tiếp tục sử dụng đất trên sơ sở vừa đảm bảo đúng thực tế và đúng với quy định của pháp luật về đất đai, căn cứ vào kết quả đo đạc hiện trạng để xác định tổng diện tích sử dụng và tứ cận tiếp giáp của diện tích đất có tranh chấp. HĐXX nhận thấy như sau:

Lời khai của ông X cho rằng diện tích đất đang có tranh chấp là do ông D1 tặng cho, việc cho tặng chỉ bằng miệng, không lập thành văn bản, nay người tặng cho đất đã chết, ông X cũng cho rằng nguồn gốc của diện tích đất đang có tranh chấp là do ông nội của ông X khai hoang từ trước và đến năm 1956 thì bỏ hoang. Như vậy, ngoài lời khai ra ông X không có chứng cứ gì khác chứng minh cho lời khai của mình và bản thân ông cũng thừa nhận rằng dù là do ông nội của ông khai hoang nhưng đến năm 1956 đã bỏ hoang và không sử dụng nữa và sự việc đó đã xảy ra từ rất lâu cũng không có ai xác nhận chính xác được sự việc với nội dung lời khai này của ông X. Do vậy, lời khai của ông X không có căn cứ chấp nhận và không phù hợp với thực tế sử dụng đất.

Nhưng bên cạnh đó, lời khai của ông N lại hoàn toàn phù hợp với các kết quả xác minh và các lời khai của người làm chứng về nguồn gốc đất và lịch sử sử dụng như: là do bố đẻ của ông N là ông H khai phá, sử dụng ổn định từ năm 1976 khi ông H chết thì ông N tiếp tục sử dụng ổn định, quá trình sử dụng đất được các nhân chứng là những già làng, trưởng bản, người có uy tín cao trong cộng đồng dân cư xác nhận và được cấp có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân xã B xác nhận là đúng. Do vậy, xác định được nguồn gốc diện tích đang có tranh chấp là do ông Sùng Nhịa H (là bố đẻ ông N) khai hoang mà có, ông N là

người thừa kế sử dụng, canh tác liên tục ổn định, quá trình sử dụng không có tranh chấp gì như vậy ông N là người có quyền sử dụng Hợp pháp với diện tích đất này, là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Diện tích đất này cũng không thuộc diện quy hoạch thu hồi để sử dụng vào mục đích khác do vậy cần tiếp tục tạm giao cho ông N được quyền quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai và ông N có nghĩa vụ phải thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất để được cấp giấy CNQSDĐ theo quy định.

Đối với số sản do ông X trồng trên diện tích đất nương đang có tranh chấp, đến thời điểm xét xử sơ thẩm số sản này đã được ông X đã thu hoạch đầy đủ, ông N cũng không có ý kiến và đề nghị gì về vấn đề này nên HĐXX không xem xét đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Sùng Giả N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, ông Sùng Bả X là người đồng bào dân tộc thiểu số sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã có đơn xin miễn án phí và được Tòa án chấp nhận nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 24 Điều 3, điểm d khoản 1 Điều 169, Điều 170, 188, 100, 101 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Sùng Giả N đối với ông Sùng Bả X.

2. Tạm giao cho ông Sùng Giả N được quyền quản lý, sử dụng 01 diện tích nông nghiệp, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tổng diện tích là 7.298m², đất thuộc tờ bản đồ số 33, có địa chỉ tại khu P1 thuộc bản P II, xã B, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Tứ cận tiếp giáp như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Phía dài 75,1m;
- Hướng Tây giáp đất nhà ông H2 dài 35,8m;
- Hướng Nam giáp đất nhà ông H2 dài 77m;
- Phía Bắc giáp đất khe suối và giáp đất ông N dài 60m và 138,2m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Ông Sùng Giả N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý Nhà nước quản lý về đất đai để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất và cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3. Về án phí:

Ông Sùng Bả X được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Sùng Giả N được hoàn trả lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000728 ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Sùng Giả N, Ông Sùng Bả X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/7/2022).

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Nhung